|  |  |
| --- | --- |
| **Nhóm Văn Yên**  **Ngày soạn:**  **Ngày dạy :** |  |

**Tiết 131 + 132: BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG VII**

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:** Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Vận dụng khái niệm phương trình bậc nhất một ẩn cà cách giải PT bậc nhất một ẩn.

- Giải quyết các vấn đề thực tiễn(ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, các bài toán liên quan đến Hoá học, Hình học...).

**2. Năng lực**

- Góp phần tạo cơ hội để HS phát triển một số năng lực chung như: NL tự học thông qua hoạt động cá nhân; NL hợp tác thông qua trao đổi với bạn bè và hoạt động nhóm.

- Góp phần tạo cơ hội để HS phát triển một số thành tố NL toán học như:

+ Thông qua hoạt động nhóm: Học sinh hình thành và phát triển năng lực giao tiếp toán học.

+ Thông qua các thao tác như: Chơi trò chơi nhận dạng và tìm nghiệm của phương trình bậc nhất một ẩn; giải phương trình bậc nhất một ẩn, ... là cơ hội để HS hình thành NL tư duy và lập luận toán học.

+ Thông qua các thao tác như: Tìm được các đại lượng về quãng đường, vận tốc, thời gian thông qua các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, ... là cơ hội để HS hình thành NL giải quyết vấn đề toán học gắn với thực tiễn.

**3. Phẩm chất**

* Có ý thức học tập, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo, có ý thức làm việc nhóm, tôn trọng ý kiến các thành viên khi hợp tác.
* Chăm chỉ tích cực xây dựng bài, có trách nhiệm, chủ động chiếm lĩnh kiến thức theo sự hướng dẫn của GV.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với GV:** Máy tính, máy chiếu, phiếu học tập.

**2. Đối với HS**: SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, đồ dùng học tập (bút, thước...), bảng nhóm, bút viết bảng nhóm. Ôn tập lý thuyết chương VII.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Yêu cầu cần đạt.**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau

- Vận dụng kiến thức để giải được phương trình bậc nhất một ẩn và biết cách kiểm tra xem giá trị của biến có là nghiệm của phương trình bậc nhất một ẩn hay không, biết giải PT bậc nhất một ẩn cũng như vận dụng giải các bài tập thực tế

**2. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** | **Ghi chú** |
| **HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | | |
| - HS cả lớp nghiên cứu để hiểu luật chơi  - HS suy nghĩ trả lời câu hỏi, và hứng thú giơ tay trả lời nhanh nhất có thể.  - HS nhận phần quà (nếu có) | - GV tổ chức cho cả lớp chơi trò chơi  Luật chơi: Có 4 hộp quà chứa câu hỏi (câu hỏi BT 1) và phần quà hấp dẫn, nếu trả lời đúng câu hỏi thì hộp quà sẽ hiện ra, nếu sai thì hộp quà sẽ không hiện ra. Mỗi câu hỏi được suy nghĩ trả lời trong 30 giây.  - GV chiếu lần lượt các câu hỏi trong từng hộp quà và gọi hs giơ tay nhanh nhất trả lời. GV có thể yêu cầu hs giải thích cho câu trả lời.  - GV chốt đáp án đúng và đưa ra phần quà cho câu trả lời đúng  - GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt vào bài học mới. | Dùng máy chiếu, chiếu câu hỏi BT 1 lên cho cả lớp quan sát |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | | |
| **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | | |
| **1. Nhắc lại kiến thức** | | |
| HS quan sát và nghe câu hỏi của giáo viên, suy nghĩ trả lời câu hỏi..  HS trả lời được câu hỏi mà giáo viên đặt ra. | GV chiếu sơ đồ tư duy dạng khuyết lên bảng, sau đó đặt câu hỏi liên quan đến ĐN, cách giải phương trình bậc nhất một ẩn, và các bước giải bài toán bằng cách lập pt. Gọi HS trả lời câu hỏi.  Giáo viên chốt lại kiến thức | Dùng máy chiếu, chiếu sơ đồ tư duy lên cho cả lớp quan sát |
| **2. Luyện tập** | | |
| ***Dạng 1: Giải Phương trình*** | | |
| - HS làm được **bài tập 2**  - HS áp dụng hai quy tắc biến đổi tương đương để giải phương trình.  - 3HS lên bảng làm bài  - HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng  - HS viết bài vào vở | **Bài 2(SGK/50)**  Giáo viên chiếu nội dung bài tập 2.  - GV yêu cầu cá nhân HS làm **BT 2**  - GV gọi 3 HS lên bảng làm, sau đó yêu cầu Hs nhận xét bài làm của bạn trên bảng.  - Gv kết luận và ghi bảng | Dùng máy chiếu, chiếu BT2 lên cho cả lớp quan sát |
| - HS thảo luận nhóm (3-4ph), hoàn thành bài tập theo yêu cầu của GV.  - Các nhóm đổi chéo phiếu học tập theo yêu cầu của gv  - Đại diện các nhóm nhận xét chéo nhau, các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  - HS viết bài vào vở | **Bài 3(SGK/50)**  - GV chia nhóm và yêu cầu HS HĐ nhóm thực hiện bài tập 3 vào phiếu học tập.  N1: Làm ý a; N2: Làm ý b  N3: Làm ý c; N4: Làm ý d  GV quan sát hỗ trợ.  - GV cho các nhóm đổi chéo phiếu học tập cho nhau. Sau đó chiếu đáp án BT3, gọi đại diện các nhóm nhận xét chéo nhau  - GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và yêu cầu HS ghi chép đầy đủ vào vở. | Dùng máy chiếu, chiếu lời giải BT 3 lên cho cả lớp quan sát |
| ***Dạng 2: Toán tìm số*** | | |
| - HS đọc và nghiên cứu bài tập 5 (sgk/50)  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, phân tích bài toán, hoàn thành các yêu cầu,  - HS giơ tay phát biểu,  1 HS lên bảng trình bày lời giải:  *Gọi chữ số hàng đơn vị là: a*  *Chữ số hàng chục là: 3a*  *Số bạn đầu là: 3a.10 + a = 31a*  *Sau khi đổi chỗ hai chữ số cho nhau ta được số mới là: a.10 + 3a = 13a*  *Số mới nhỏ hơn số cũ 18 đơn vị nên ta có phương trình:*    *(t/m)*  *Vậy chữ số hàng đơn vị là: 1; hàng chục là : 3 và số ban đầu cần tìm là: 31*  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  - HS viết bài vào vở | **Bài 5(SGK/50)**  - GV yêu cầu HS tìm hiểu nội dung bt 5(sgk/50). Sau đó yêu cầu cá nhân hs trả lời câu hỏi:  *+ Xác định dạng toán?*  *+ Bài toán có những đối tượng và đại lượng nào tham gia?*  *+ Hãy lập bảng biểu diễn quan hệ giữa các đối tượng và địa lượng ?*  - Gv gọi HS trả lời câu hỏi dẫn dắt để giải được bài toán  - GV gọi 1 HS lên bảng trình bày lời giải  - Gọi hs khác nhận xét, bổ sung.  - GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và yêu cầu HS ghi chép đầy đủ vào vở. |  |
| ***Dạng 3: Toán chuyển động*** | | |
| - HS đọc và nghiên cứu bài tập 6 (sgk/50)  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, phân tích bài toán, hoàn thành các yêu cầu,  - HS giơ tay phát biểu,  1 HS lên bảng trình bày lời giải:  *Goị vận tốc của cano là x ( x>3; km/h)*  *vận tốc của cano khi đi xuôi dòng là: x+ 3(km/h)*  *vận tốc của cano khi đi ngược dòng là: x- 3(km/h)*  *Quãng đường của cano khi đi xuôi dòng là: 1,5(x+ 3)(km)*  *Quãng đường của cano khi đi ngược dòng là: 2(x- 3)(km)*  *Vì Quãng đường của cano khi đi xuôi dòng và ngược dòng là như nhau nên ta có phương trình:*  *1,5(x + 3) = 2(x - 3)*  *1,5x + 4,5 = 2x - 6*  *x = 21 (t/m)*  *Vậy vận tốc của ca nô là: 21km/h*  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  - HS viết bài vào vở | **Bài 6(SGK/50)**  - GV yêu cầu HS tìm hiểu nội dung bt 6(sgk/50). Sau đó yêu cầu cá nhân hs trả lời câu hỏi:  *+ Xác định dạng toán?*  *+ Bài toán có những đối tượng và đại lượng nào tham gia?*  *+ Hãy lập bảng biểu diễn quan hệ giữa các đối tượng và địa lượng ?*  - Gv gọi HS trả lời câu hỏi dẫn dắt để giải được bài toán  - GV gọi 1 HS lên bảng trình bày lời giải  - Gọi hs khác nhận xét, bổ sung.  - GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và yêu cầu HS ghi chép đầy đủ vào vở. |  |
| ***Dạng 4: Toán năng suất*** | | |
| - HS đọc và nghiên cứu bài tập 9(sgk/51)  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, phân tích bài toán, hoàn thành các yêu cầu,  - HS giơ tay phát biểu,  1 HS lên bảng trình bày lời giải:  *Gọi số sản phẩm thực tế mà dây chuyền phải làm trong mỗi ngày là x (sản phẩm,  )*  *Số sản phẩm theo kế hoạch mà dây chuyền phải làm trong mỗi ngày là x - 10 (Sản phẩm)*  *Số sản phẩm thực tế mà dây chuyền phải sản xuất là: 16.x (Sản phẩm)*  *Số sản phẩm theo kế hoạch mà dây chuyền phải sản xuất là: 18(x-10) (Sản phẩm)*  *Vì sau 16 ngày dây chuyền chẳng những hoàn thành kế hoạch mà còn làm thêm được 20 sản phẩm nữa nên ta có phương trình:*  *(x-10).18 + 20 = 16.x*  *⬄ 18x-180 + 20 = 16x*  *⬄ 2x = 160*  *⬄ x = 80 (t/m)*  *Vậy số sản phẩm thực tế mà dây chuyền phải làm trong mỗi ngày là : 80 sản phẩm*  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  - HS viết bài vào vở | **Bài 9(SGK/51)**  - GV yêu cầu HS tìm hiểu nội dung bt 6(sgk/50). Sau đó yêu cầu cá nhân hs trả lời câu hỏi:  *+ Xác định dạng toán?*  *+ Bài toán có những đối tượng và đại lượng nào tham gia?*  *+ Hãy lập bảng biểu diễn quan hệ giữa các đối tượng và địa lượng*  - Gv gọi HS trả lời câu hỏi dẫn dắt để giải được bài toán  - GV gọi 1 HS lên bảng trình bày lời giải  - Gọi hs khác nhận xét, bổ sung.  - GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và yêu cầu HS ghi chép đầy đủ vào vở. |  |
| ***Dạng 5: Toán diện tích*** | | |
| - HS đọc và nghiên cứu bài tập thêm  - HS theo dõi màn chiếu, chú ý nghe, phân tích bài toán, hoàn thành các yêu cầu.  - HS giơ tay phát biểu,  1 HS lên bảng trình bày lời giải:  *Gọi chiều dài lúc đầu của khu vườn hình chữ nhật là x (m, 0< x < 27)*  *Chiều rộng lúc đầu của khu vườn hình chữ nhật là:*  *Diện tích khu vườn hình chữ nhật lúc đầu là: x(28 - x)*  *Chiều dài của khu vườn hình chữ nhật sau khi thêm 3m là: x + 3 (m)*  *Chiều rộng của khu vườn hình chữ nhật sau khi bớt 1m là: 27 – x (m)*  *Diện tích khu vườn hình chữ nhật lúc sau là: (x + 3)(27 – x)*  *Vì tăng chiều dài 3 m, giảm chiều rộng 1m thì diện*  *tích khu vườn hình chữ nhật tăng thêm nên ta có PT:*  *Vậy chiều dài lúc đầu của khu vườn hình chữ nhật là 19 m.*  *Chiều rộng lúc đầu của khu vườn hình chữ nhật là: 28 – 19 = 9 m*  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  - HS viết bài vào vở | **Bài tập:***Một khu vườn hình chữ nhật có chu vi là 56m. Nếu tăng chiều dài thêm 3m và giảm chiều rộng 1m thì diện tích của khu vườn tăng thêm. Tính kích thước của khu vườn ban đầu.*  - GV yêu cầu HS tìm hiểu nội dung bt Sau đó yêu cầu cá nhân hs trả lời câu hỏi:  *+ Xác định dạng toán?*  *+ Bài toán có những đối tượng và đại lượng nào tham gia?*  *+ Hãy lập bảng biểu diễn quan hệ giữa các đối tượng và địa lượng*  - Gv gọi HS trả lời câu hỏi dẫn dắt để giải được bài toán  - GV gọi 1 HS lên bảng trình bày lời giải  - Gọi hs khác nhận xét, bổ sung.  - GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và yêu cầu HS ghi chép đầy đủ vào vở. | Dùng máy chiếu, chiếu BT lên cho cả lớp quan sát |
| **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | | |
| - HS thảo luận nhóm đôi theo bàn, hoàn thành **bài 4(sgk/50)**  ***-*** HS thực hiện theo yêu cầu.  - Các HS khác chú ý chữa bài, theo dõi nhận xét bài trên bảng.  ***Ảnh có chứa văn bản, ảnh chụp màn hình, Phông chữ, số  Mô tả được tạo tự động***- HS viết bài vào vở  x = 15  Vậy ban đầu can 1 có 30 (l) nước, can 2 có 15 (l) nước. | - GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm đôi thực hiện Bài 4 (SGK/50).  - Gọi đại diện 1 bàn lên bảng trình bày, yêu cầu học sinh các bàn khác nhận xét, GV chữa.  - GV chốt lại kiến thức và ghi bảng |  |
| **\* Hướng dẫn về nhà:**  - Ôn tập các kiến thức của chương VII, và các dạng bài tập đã chữa.  - Làm các bài tập: 7; 8; 10; 11 (SGK/51)  - Làm và học đề cương ôn tập HKII | | |